

BIỆN CHỨNG VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**Nguyễn Minh Hiền*, Đặng Nữ Hoàng Quyên***Khoa Lý luận Chính trị, Trường Đại học Khoa học Huế***Email: minhchien180263@gmail.com***TÓM TẮT**

Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người bắt nguồn sâu xa từ truyền thống nhân đạo và tinh thần yêu nước của dân tộc, kế thừa tư tưởng nhân quyền tiến bộ của phương Đông và phương Tây, nhất là tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người của chủ nghĩa Mác – Lênin. Biện chứng về quyền con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện đặc sắc ở cách tiếp cận mang tính cách mạng – sáng tạo của Người về vấn đề này xuất phát từ lợi ích của Việt Nam, các dân tộc bị áp bức trên thế giới, từ chọn lọc, kế thừa và phát triển các giá trị nhân quyền của nhiều học thuyết, nhiều nền văn hóa, nhiều hệ tư tưởng, nhất là từ chủ nghĩa Mác – Lênin và cách mạng tháng Mười Nga cũng như sự nghiệp xây dựng đất nước của nhân dân Liên Xô dưới sự lãnh đạo của V.I. Lênin và Đảng Cộng sản Liên Xô.

Từ khóa: biện chứng, quyền con người, tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người bắt nguồn sâu xa từ truyền thống nhân đạo và tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam, kế thừa tư tưởng nhân quyền tiến bộ của phương Đông và phương Tây, nhất là tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người của chủ nghĩa Mác – Lênin. Biện chứng về quyền con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện đặc sắc ở cách tiếp cận mang tính cách mạng – sáng tạo của Người về vấn đề này. Xuất phát từ lợi ích của Việt Nam, các dân tộc bị áp bức trên thế giới, từ chọn lọc, kế thừa và phát triển các giá trị nhân quyền của nhiều học thuyết, nhiều nền văn hóa, nhiều hệ tư tưởng, nhất là từ chủ nghĩa Mác – Lênin và cách mạng tháng Mười Nga cũng như sự nghiệp xây dựng đất nước của nhân dân Xô viết dưới sự lãnh đạo của V.I. Lênin và Đảng Cộng sản Liên Xô. Trong hồi ký “Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin”, Người viết: “lúc đầu chính chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đưa tôi tin Lênin... Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác – Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới”. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người đã góp phần phát triển lý luận nhân quyền của nhân loại trong thời đại ngày nay.

Từ giữa thế kỷ XIX, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam đã có những nhân tố mới do ảnh hưởng của trào lưu cách mạng dân chủ tư sản; lúc này, “ái quốc” bao hàm cả ý nghĩa thương dân, là đấu tranh giành lại độc lập, xóa bỏ thân phận nô lệ cho dân tộc. Nhân tố mới của phong

trào yêu nước ở giai đoạn này là sự kết hợp chủ nghĩa yêu nước truyền thống với sự chọn lọc, kế thừa tư tưởng dân chủ tư sản; ban đầu là ảnh hưởng từ cuộc vận động cải cách của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu qua “Tân thư”, “Tân văn”, tư tưởng “Tam dân” của Tôn Trung Sơn – “*Dân tộc độc lập*”, “*Dân quyền tự do*”, “*Dân sinh hạnh phúc*”... đã tác động mạnh mẽ đến tầng lớp trí thức Nho học bấy giờ. Những tư tưởng “nhân quyền” của cách mạng dân chủ tư sản Pháp đã được đưa vào Việt Nam qua chính sách “khai hóa văn minh” của thực dân Pháp. Đây là một quá trình đầy mâu thuẫn, như François Furet, nhà sử học người Pháp đã viết: “Vì những lý do lịch sử: ý tưởng về nhân quyền do bọn thực dân mang tới cho họ, áp đặt bằng nòng súng. Nhân quyền thuộc về kẻ chiến thắng, đương nhiên trước mắt kẻ thua trận, đó là thứ nguy trang cho sự thống trị của thực dân”⁽¹⁾

2. Nói về quyền con người, mở đầu “Tuyên ngôn độc lập”, Hồ Chí Minh nhắc đến tư tưởng vĩ đại của Thomas Jefferson trong Tuyên ngôn độc lập của Mỹ (1776): “Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền được tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”⁽²⁾; “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập”; Người cũng nhắc đến tư tưởng của các nhà triết học Pháp thế kỷ XVIII trong Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền (1791) của nước Pháp: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do bình đẳng về quyền lợi”⁽³⁾. Hồ Chí Minh đã vận dụng những tinh hoa của các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng con người của nhân loại tiến bộ để khẳng định “đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”, đồng thời làm cơ sở cho những kết luận mới của Người:

Thứ nhất, những tư tưởng tiến bộ về quyền con người trong lịch sử nhân loại không hề xa lạ với nhân dân Việt Nam

Thứ hai, những tư tưởng đó đã trở thành giá trị chung của nhân loại, nhân dân Việt Nam hoàn toàn được hưởng “các quyền” như nhân dân Pháp, nhân dân Mỹ và như các dân tộc khác.

Thứ ba, Nước Việt Nam hoàn toàn tán thành và có ý tưởng về tính pháp lý của nhân loại với quyền bình đẳng, quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của con người.

Sau khi khẳng định “các quyền” cơ bản của con người, Hồ Chí Minh đã suy rộng ra và nâng lên thành “quyền” không chỉ của dân tộc Việt Nam mà còn là quyền của tất cả các dân tộc trong thời đại mới không phân biệt chủng tộc, màu da: “Tất cả các dân tộc trên thế giới sinh ra đều có quyền bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sung sướng và tự do”⁽⁴⁾. Đây là một đóng góp vô cùng quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, một công hiến nổi tiếng của Người với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, bởi ở cả hai bản Tuyên ngôn của Pháp và Mỹ mới chỉ dừng lại ở quyền con người; còn trong Tuyên ngôn độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát triển từ “quyền con người” thành “quyền của dân tộc”. Đó là kết quả của quá trình nghiên cứu lý luận và được thực tiễn lịch sử kiểm nghiệm trong suốt hành trình đi tìm chân lý cứu nước. Việc nâng “quyền con người” thành “quyền dân

tộc” đã trở thành chân lý của thời đại: từ nay, mọi dân tộc đều có quyền quyết định vận mệnh của mình; các dân tộc khác không có quyền can thiệp; đây cũng chính là bước đột phá, mở đầu cho phong trào cho cách mạng giải phóng dân tộc sẽ làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới.

Bản Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện tính biện chứng không thể tách rời giữa quyền con người, quyền công dân và quyền dân tộc; giữa giải phóng cá nhân và giải phóng toàn xã hội. Sau Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh, ngày 14/1/1948 nguyên tắc thứ 2 của Hiến chương Đại Tây Dương khẳng định: “Tôn trọng quyền dân tộc tự quyết”. Tiếp đến ngày 10/12/1948, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền, nhưng văn kiện này chỉ nhấn mạnh đến quyền của cá nhân mà không đề cập đến các điều kiện chính trị, xã hội, lịch sử, văn hóa... của mỗi dân tộc, trong đó có quyền dân tộc tự quyết. Đến năm 1966, Liên hợp quốc tiếp tục thông qua hai Công ước quốc tế được xem là “Bộ luật nhân quyền quốc tế”: *Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị* và *Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa*. Năm 1993, Liên hợp quốc ra *Tuyên bố Viên* và *Chương trình hành động* xác định rõ: “quyền dân tộc tự quyết là quyền con người”. Tại Hội nghị nhân quyền thế giới ở Viên (Áo), cộng đồng quốc tế một lần nữa lại khẳng định: “Tất cả các dân tộc đều có quyền dân tộc tự quyết” và nhấn mạnh: “Việc khước từ quyền dân tộc tự quyết là sự vi phạm nhân quyền”; Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị đã ghi nhận: “Tất cả các dân tộc đều có quyền dân tộc tự quyết” (Điều 1). Những văn bản pháp lý về nhân quyền của Liên hợp quốc chứng minh: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi trước nhận thức chung của cộng đồng quốc tế về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc với quyền con người trước đó hơn 20 năm và những đóng góp to lớn của Người trong việc phát triển, vận dụng sáng tạo tư tưởng quyền con người, quyền dân tộc vào xây dựng những chuẩn mực pháp lý về nhân quyền của nhân loại trong thế kỷ XX.

3. Đến với con đường cách mạng vô sản của chủ nghĩa Mác – Lênin để giành độc lập dân tộc, nhưng Hồ Chí Minh luôn đặt lợi ích của dân tộc lên trên lợi ích của giai cấp. Người nhấn mạnh: độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia – tiền đề và điều kiện của quyền con người – phải thông qua đấu tranh cách mạng mới giành lại được; Người đưa ra tư tưởng – kết hợp các giá trị cơ bản của quyền con người với giá trị của dân tộc – “*Tự do, bình đẳng, bác ái, độc lập*”. Từ kinh nghiệm lịch sử và phân tích lý luận, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới sự nghiệp bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ, thống nhất đất nước và giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, xem đó cũng là một điều kiện cơ bản để bảo đảm quyền con người của cả dân tộc ta. Dưới sự lãnh đạo của Người, những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch hòng chia cắt Việt Nam thành ba kỳ; thành lập “Liên bang Đông Dương”, “Nam Kỳ tự trị”... đều bị thất bại.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia là điều kiện cần bảo đảm quyền con người. Song, để bảo đảm trên thực tế các quyền và tự do cho nhân dân, thì phải có nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân vững mạnh và đội ngũ cán bộ, công chức có đạo đức cách mạng, thực sự là những công bộc của nhân dân, những con người luôn “lo trước thiên hạ”, “vui sau thiên hạ”, những con người “đứng mũi chịu sào”.

Khát vọng giải phóng dân tộc, đem lại hạnh phúc cho nhân dân, Người đã dày công nghiên cứu lý luận, phân tích các cuộc cách mạng trên thế giới (Mỹ, Pháp, Nga) để rút ra những kinh nghiệm cho cách mạng Việt Nam. Tiêu chuẩn để đánh giá các cuộc cách mạng là: quyền lực sau thắng lợi của cách mạng thuộc về ai? Nhân dân có được hưởng tự do, hạnh phúc thực sự không – đó chính là biểu hiện tập trung nhất các giá trị “dân chủ” và “nhân quyền”. Trong tác phẩm “Đường cách mệnh” (1927), Người viết: Một cuộc cách mạng thành công thì quyền phải “giao cho dân chúng số nhiều” và dân chúng phải “được hưởng cái hạnh phúc, tự do, bình đẳng thật”.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Hồ Chí Minh, Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào (16/8/1945) bầu ra Nhà nước Việt Nam mới của nhân dân dưới hình thức “Ủy ban dân tộc giải phóng” sau đó được cải tổ thành “Chính phủ lâm thời” để chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa. Mười chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh đã thể hiện rõ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quyền con người, đáng chú ý có những chính sách thể hiện nổi bật và trực tiếp các quyền và tự do của con người, như: “Ban bố những quyền của dân: nhân quyền; tài quyền (quyền sở hữu); dân quyền (quyền phổ thông đầu phiếu, quyền tự do dân chủ, quyền tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng, ngôn luận, hội họp, đi lại, quyền bình đẳng dân tộc, nam nữ”); “xây dựng nền quốc dân giáo dục; chống nạn mù chữ, phổ thông và cưỡng bách giáo dục đến bậc sơ cấp, kiến thiết nền văn hóa mới”⁽⁵⁾.

Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930) tư tưởng nhân quyền được thể hiện sâu sắc: do “chế độ phong kiến đương còn... nên chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng cũng đi tới xã hội cộng sản... Về phương diện xã hội: dân chúng được tự do tổ chức; nam nữ bình quyền; phổ thông hóa giáo dục theo hướng công nông”. Những chủ trương, chính sách của Đảng về chính trị, kinh tế, xã hội như: đánh đổ đế quốc Pháp và chế độ phong kiến giành độc lập dân tộc, đem lại quyền tự do cho nhân dân; thực hành giáo dục toàn dân, nam nữ bình quyền, một lần nữa được Hồ Chí Minh viết trong “Lời kêu gọi” nhân dịp thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngay sau khi giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo và chỉ đạo xây dựng nhà nước kiểu mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương theo nguyên tắc pháp quyền. Hiếm có cuộc cách mạng nào trên thế giới mà ngay sau khi giành được chính quyền, Chính phủ với nhiều thành phần được thành lập; bầu cử tự do trong toàn quốc được tiến hành, Hiến pháp (1946) được công bố, tất cả những nguyên tắc cơ bản, thiết chế của một nhà nước, một xã hội mới được xác lập chỉ trong vòng một năm. Các nguyên tắc nhân quyền như: bình đẳng, tự do, tôn trọng nhân phẩm đã được quy định rõ ràng, kể cả quyền của người nước ngoài cũng được bảo vệ. Điều 15 ghi: “Những người ngoại quốc đấu tranh cho dân chủ và tự do mà đến trốn tránh thì được trú ngụ trên đất Việt Nam”.

Bảo đảm quyền con người một phần quan trọng tùy thuộc vào hệ thống pháp luật và đội ngũ cán bộ, công chức ngành tư pháp. Là người sáng lập Nhà nước Việt Nam mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến xây dựng nền pháp chế của quốc gia, đặc biệt là xây dựng hệ thống

pháp luật bảo vệ công dân, quyền con người, hạn chế các sắc lệnh (nay gọi là pháp lệnh). Trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* (1919), Người đòi thực dân Pháp cải cách nền pháp lý ở Đông Dương, đòi “bãi bỏ chế độ cai trị bằng các sắc lệnh và thay thế bằng các đạo luật”. Trong *Việt Nam yêu cầu ca*, Người đã viết: “Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”. Người đã hai lần đứng đầu Ủy ban soạn thảo Hiến pháp (Hiến pháp 1946, Hiến pháp 1959), ký và công bố 16 đạo luật, 613 sắc lệnh và nhiều văn bản dưới luật khác⁽⁶⁾. Thư gửi Hội nghị tư pháp toàn quốc, Người viết: “Các bạn là những người phụ trách thi hành pháp luật. Lẽ tất nhiên các bạn cần phải nêu cao cái gương *“phụng công, thủ pháp, chí công vô tư”* cho nhân dân noi theo”⁽⁷⁾.

Nói đến “quyền con người” là nói đến quyền và tự do của cá nhân, trách nhiệm của nhà nước và công dân, đến việc phải giải quyết hài hòa mối quan hệ này, trước hết là mối quan hệ giữa quyền, lợi ích của cá nhân với lợi ích của nhà nước và xã hội. Xã hội xã hội chủ nghĩa không đối lập với lợi ích của cá nhân, bởi “Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa”, đồng thời “lợi ích của cá nhân nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể... lợi ích riêng của cá nhân phải phục tùng lợi ích chung của tập thể”⁽⁸⁾.

Kế thừa những tư tưởng tiên bộ của nhân loại, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới tự do, gắn tự do với hạnh phúc, tự do với độc lập. Người từng nói: “Ngày nay chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì”⁽⁹⁾ và “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”⁽¹⁰⁾.

Tự do tư tưởng là một giá trị cơ bản, quan trọng bậc nhất của “quyền con người”. Chủ tịch Hồ Chí Minh giải thích: chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý... khi đã tìm thấy chân lý lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng chân lý.

Điều đặc biệt trong tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người là việc Người gắn liền quyền con người với quyền làm người. Quyền làm người còn bao hàm những đòi hỏi nội tại của mỗi con người, trước hết về đạo đức, về nhân cách và năng lực. Đây là một cách tiếp cận mới tích cực về quyền con người - đây là nghĩa vụ của mỗi người đối với chính mình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức được những gì thuộc về chân giá trị của con người, của loài người, trong đó có tinh thần nhân đạo, nhân phẩm, tự do, bình đẳng. Trên lĩnh vực quyền con người, biện chứng về quyền con người trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đã nghiên cứu đưa ra các luận điểm giải quyết vấn đề quyền con người trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, thời đại cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới ở các nước thuộc địa; cốt lõi tư tưởng đó là độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, thống nhất đất nước – tiền đề và điều kiện cơ bản nhất bảo đảm các quyền và tự do của con người. Quyền con người không chỉ là những chế định pháp luật, thuộc trách nhiệm của nhà nước, mà còn là giá trị

đạo đức, văn hóa, là trách nhiệm của các tổ chức chính trị – xã hội, là đòi hỏi nội tại của nhân cách làm người đối với tất cả mọi người, từ cán bộ, công chức đến người dân. Tư tưởng đó vẫn còn nguyên giá trị đối với sự nghiệp xây dựng đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh của nhân dân ta ngày nay./.

CHÚ THÍCH

- (1) Francoi Puret: Số phận một ý tưởng, Người đưa tin UNESCO, Hà Nội, 1989, số 6, tr 56
- (2), Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội, 2002, T3, tr 554.
- (3) Hồ Chí Minh: Tuyển tập, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1981, t 1, tr 402
- (4) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà nội, t4, tr 1
- (5) Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (sơ thảo), Nxb Sự thật, Hà Nội, 1984, t 1, tr 408 – 409
- (6) Theo tài liệu của Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, xuất bản tháng 3-1993
- (7) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t 8, tr 375
- (8) Hồ Chí Minh: Tuyển tập, Sđd, tập 2, tr 105
- (9) (10) Hồ Chí Minh: Tuyển tập, Sđd, t 1, tr 369, 381

THE DIALECTICS OF HUMAN RIGHTS OF HO CHI MINH'S IDEOLOGY

Nguyen Minh Hien*, Dang Nu Hoang Quyen

Department of Philosophy, Hue University of Sciences

**Email: minhchien180263@gmail.com*

ABSTRACT

The ideology of Ho Chi Minh on human rights originated deeply from the humanitarian tradition and patriotic spirit, inherited the progressive human rights from The East and the West, especially ideology of the revolution for liberation of nation, class and human being of the Marxism – Leninism. The dialectics of human rights of Ho Chi Minh's ideology are manifested specially via the revolutionary – creative approach ways of Ho Chi Minh on these matters which are based on the Vietnam's benefits, the oppressed nations all over the world, selected, inherited and developed human-rights values of many doctrines, cultures, ideologies, particularly the Marxism – Leninism and the Russian October Revolution as well as achievements of building the nation of Soviet Union people under the leadership of V.I Lenin and the Soviet Union Communist.

Keywords: *dialectics, human rights, Ho Chi Minh's ideology.*